TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Cao Cường;

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Trần Xuân Anh và ông Lê Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1023/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh K - sinh năm: 1986; số CCCD: 037186001178; nơi thường trú: Thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Lê Đức L - sinh năm: 1981; số CCCD: 038081030363; địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thanh K trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đức L kết hôn vào ngày 07 tháng 9 năm 2005 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình (nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách đối lập, bất đồng quan điểm sống, vì vậy, chị và anh L tranh cãi triền miên. Do mâu thuẫn trầm trọng nên kể từ năm 2024 cho đến nay, chị và anh Lâm ly T nhau. Trong suốt thời gian sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai, ai lo bổn phận người đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 (ba) con chung là: Lê Thị Quỳnh A - sinh ngày: 31/12/2006; Lê Thị Trà M - sinh ngày: 25/02/2012 và Lê Đức Trường S - sinh ngày: 26/11/2013. Hiện cháu Lê Thị Quỳnh A đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các cháu Lê Thị Trà M và Lê Đức Trường S hiện đang ở với anh L. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu Lê Thị Trà M và cháu Lê Đức Trường S cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con, mỗi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (cả hai con là 4.000.000 đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng cho con tính từ khi Tòa án giải quyết vụ án cho đến khi con thành niên. Hiện chị đang làm Nhân viên tạp vụ cho Công ty Cổ phần Ô, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng; ngoài ra, chị còn bán hàng Online với thu nhập mỗi tháng khoảng 2.000.000 đồng, đủ điều kiện để cấp dưỡng cho hai con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 27 tháng 5 năm 2026, bị đơn là anh Lê Đức L trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thanh K kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống, chị K thường xuyên bỏ nhà ra đi. Việc ly hôn là do chị K toàn quyền quyết định. Chị K không còn tình cảm với anh nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị K. Nếu chị K nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị K có 03 (ba) con chung là: Lê Thị Quỳnh A - sinh ngày: 31/12/2006; Lê Thị Trà M - sinh ngày: 25/02/2012 và Lê Đức Trường S - sinh ngày: 26/11/2013. Hiện cháu Lê Thị Quỳnh A đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu Lê Thị Trà M và cháu Lê Đức Trường S cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mỗi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (cả hai con là 4.000.000 đồng/tháng).

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, các cháu Lê Thị Trà M và Lê Đức Trường S đều có nguyện vọng được ở với bố là Lê Đức L, nếu bố mẹ ly hôn.

* Biên bản xác minh ngày 04 tháng 6 năm 2026 tại xã T, tỉnh Thanh Hóa, cho thấy:

- Chị Nguyễn Thanh K và anh Lê Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian gần đây, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn nên thi thoảng chị Kim L1 về bên ngoại ở ít hôm, sau đó lại trở về sống với bố con anh L. Những lần chị K về bên ngoại, chị thường để lại 03 con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị K và anh L thì chính quyền địa phương không rõ, vì anh chị không báo cáo cũng như không đề nghị chính quyền hòa giải. Hiện tại, chị K đã về quê ngoại ở tỉnh Ninh Bình để sinh sống.

- Chị K và anh L có 03 (ba) con chung là: Lê Thị Quỳnh A, Lê Thị Trà M

và Lê Đức Trường S. Cháu Lê Thị Quỳnh A đã thành niên và có khả năng lao động. Hai cháu Lê Thị Trà M và Lê Đức Trường S đang ở với anh L; các cháu đều ngoan ngoãn, chăm chỉ học hành. Anh L có thu nhập ổn định, đảm bảo cho việc nuôi con. Chị Kim H không có mặt ở địa phương nên chính quyền không biết mức thu nhập của chị như thế nào.

* *Tại phiên tòa*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thanh K được ly hôn anh Lê Đức L.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Thị Trà M và cháu Lê Đức Trường S cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mỗi cháu với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (cả hai con là 4.000.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi con thành niên.

+ Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Đức L có nơi cư trú tại Thôn A, xã T, tỉnh Thanh

Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh K và bị đơn anh Lê Đức L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thanh K và anh Lê Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 07 tháng 9 năm 2005, nên hôn nhân giữa chị K và anh L là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị K và anh L có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn, chị K và anh L đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Anh L cho rằng mình vẫn còn tình cảm với chị K, nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn rạn nứt trong quan hệ hôn nhân. Mặt khác, anh L cũng xác định nếu chị K nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Tòa án cũng đã hai lần thông báo phiên hòa giải với mục đích để chị K và anh L trở về đoàn tụ nhưng anh L đều vắng mặt.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định, tình nghĩa vợ chồng giữa chị K và anh L không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị K là có cơ sở; vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị K, xử cho chị K được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị K và anh L đều thừa nhận có 03 (ba) con chung là: Lê Thị Quỳnh A - sinh ngày: 31/12/2006; Lê Thị Trà M - sinh ngày: 25/02/2012 và Lê Đức Trường S - sinh ngày: 26/11/2013. Cháu Lê Thị Quỳnh A đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị K yêu cầu Tòa án giao các cháu Lê Thị Trà M và Lê Đức Trường S cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, vì chị không muốn môi trường sống và học tập của các cháu bị xáo trộn do lâu nay các cháu đều đang ở với anh L. Yêu cầu này của chị K phù hợp với nguyện vọng của anh L muốn được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Lê Thị Trà M và Lê Đức Trường S là muốn được ở với bố (anh L).

Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế, yêu cầu của đương sự, nguyện vọng của các cháu Lê Thị Trà M và Lê Đức Trường S; để không làm thay đổi môi trường sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị K, giao cháu Lê Thị Trà M và cháu Lê Đức Trường S cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và bảo đảm quyền lợi cho các cháu. Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Chị K có thu nhập bình quân mỗi tháng từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, đủ điều kiện để cấp dưỡng cho con. Xác minh tại địa phương, thu nhập của anh L cũng đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Như vậy, cả hai anh chị đều có thu nhập, có thể đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Chị Kim tự N cấp dưỡng cho hai con là Lê Thị Trà M và Lê Đức Trường S, mỗi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (cả hai con là 4.000.000 đồng/tháng). Sự tự nguyện này của chị K cũng phù hợp với nguyện vọng của anh L về việc yêu cầu chị K cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương, thu nhập của đương sự ở thời điểm hiện tại và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị K về việc chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con là Lê Thị Trà M và Lê Đức Trường S, mỗi cháu với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (cả hai cháu là 4.000.000 đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu M, cháu S thành niên.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thanh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

* Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh K, cho chị Nguyễn Thanh K được ly hôn anh Lê Đức L.

- Về con chung: Công nhận chị K và anh L có 03 (ba) con chung là: Lê Thị Quỳnh A - sinh ngày: 31/12/2006; Lê Thị Trà M - sinh ngày: 25/02/2012 và Lê Đức Trường S - sinh ngày: 26/11/2013. Cháu Lê Thị Quỳnh A đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Lê Thị Trà M và cháu Lê Đức Trường S cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Trà M và cháu Lê Đức Trường S, mỗi cháu với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng) (cả hai cháu là 4.000.000 đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi cháu M, cháu S thành niên.

Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thanh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002475 ngày 02 tháng 4 năm 2026 và biên lai thu tạm ứng án phí số 0002796 ngày 10 tháng 4 năm 2026 (điều chỉnh cho biên lai số 0002475 do ghi sai tên) của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Thanh Hóa; chị K còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 3 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Cao Cường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Anh **Lê Văn Quyết** **Lê Cao Cường**